

# NHẬT BẢN

## 1. Nhật Bản từ 1945- 1952

- Sự thất bại trong Chiến tranh thế giới thứ hai để lại cho Nhật Bản những hậu quả nặng nề: gần 3 triệu người chết và mất tích, kinh tế bị tàn phá, 13 triệu người thất nghiệp, đói rét...

- Sau chiến tranh, bị Mỹ chiếm đóng dưới danh nghĩa Đồng minh (1945 - 1952).

### 1.1. Chính trị

Bộ Chỉ huy tối cao lực lượng Đồng minh (SCAP) thi hành các biện pháp:

- Loại bỏ chủ nghĩa quân phiệt và bộ máy chiến tranh của Nhật, xét xử tội phạm chiến tranh.

- Giải tán các đảng phái quân phiệt.

- 3/5/1947, ban hành Hiến pháp mới quy định Nhật là nước quân chủ lập hiến nhưng thực tế là chế độ dân chủ đại nghị tư sản.

- Nhật cam kết từ bỏ việc tiến hành chiến tranh, không dùng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế.

- Không duy trì quân đội thường trực, chỉ có lực lượng Phòng vệ dân sự bảo đảm an ninh, trật tự trong nước. Không mang quân đội ra nước ngoài.

### 1.2. Kinh tế

SCAP tiến hành 3 cải cách lớn:

- Thủ tiêu chế độ tập trung kinh tế, giải tán các tập đoàn lũng đoạn "Dai-bát-xu".

- Cải cách ruộng đất, hạn chế ruộng địa chủ, đem bán cho nông dân.

- Dân chủ hóa lao động.

=> Từ năm 1950 – 1951: Nhật khôi phục kinh tế. Kinh tế đạt mức trước chiến tranh.

### 1.3. Đối ngoại

- Liên minh chặt chẽ với Mỹ, ký Hiệp ước hòa bình Xan Pharan-xi cô (9-1951), chấm dứt việc chiếm đóng của đồng minh Mỹ

- 8/9/1951 ký Hiệp Ước An ninh Mĩ- Nhật: chấp nhận Mĩ bảo hộ, cho Mĩ đóng quân và xây dựng căn cứ quân sự trên đất Nhật.

## 2. Nhật Bản từ 1952- 1973

### 2.1. Kinh tế

- 1952 - 1960: phát triển nhanh.

- 1960 - 1973 phát triển thần kỳ (tốc độ tăng trưởng bình quân là 10,8%/ năm). Năm 1968, vươn lên hàng thứ hai thế giới tư bản sau Mĩ (tổng sản phẩm quốc dân là 183 tỷ USD..

- Đầu những năm 70, Nhật trở thành một trong ba trung tâm kinh tế- tài chính thế giới cùng với Mĩ và Tây Âu.

### 2.2. Khoa học- kĩ thuật

- Rất coi trọng giáo dục và khoa học - kĩ thuật, mua bằng phát minh sáng chế

- Phát triển khoa học - công nghệ chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất ứng dụng dân dụng (đóng tàu chở dầu 1 triệu tấn, xây đường hầm dưới biển dài 53,8 km nối Honsu và Hokaido, cầu đường bộ dài 9,4 km...)



Hình 1: Cầu Seto Ohashi nối hai đảo Hôn-xiu và Xi-cô-cư.

- Nguyên nhân phát triển

- Con người là vốn quý nhất, là nhân tố quyết định hàng đầu.
- Vai trò lãnh đạo, quản lý của nhà nước Nhật.
- Chế độ làm việc suốt đời, chế độ lương theo thâm niên và chủ nghĩa nghiệp đoàn xí nghiệp là “ba kho báu thiêng liêng” làm cho các công ty Nhật có sức mạnh và tính cạnh tranh cao.
- Các công ty Nhật năng động, có tầm nhìn xa, quản lý tốt và cạnh tranh cao.
- Áp dụng thành công những thành tựu khoa học kỹ thuật hiện đại để nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành sản phẩm.
- Chi phí quốc phòng thấp nên có điều kiện tập trung đầu tư vốn cho kinh tế.
- Tận dụng tốt yếu tố bên ngoài để phát triển (viện trợ Mỹ, chiến tranh Triều Tiên, Việt Nam...)

- Hạn chế

- Lãnh thổ hẹp, dân đông, nghèo tài nguyên, thường xảy ra thiên tai, phải phụ thuộc vào nguồn nguyên nhiên liệu nhập từ bên ngoài.
- Cơ cấu giữa các vùng kinh tế, giữa công – nông nghiệp mất cân đối.
- Chịu sự cạnh tranh gay gắt của Mỹ, Tây Âu, NICs, Trung Quốc...
- Chưa giải quyết được những mâu thuẫn cơ bản nằm trong bản thân nền kinh tế TBCN.

### 2.3. Chính trị

- Từ 1955, Đảng Dân chủ tự do (LDP) liên tục cầm quyền, duy trì và bảo vệ chế độ tư bản.
- Từ 1960- 1964, chủ trương xây dựng “Nhà nước phúc lợi chung”, tăng thu nhập quốc dân lên gấp đôi trong 10 năm (1960 - 1970). (I-kê-đa - Ha-ya-to)
- Liên minh chặt chẽ với Mỹ, đứng về phía Mỹ trong chiến tranh Việt nam.
- 1956 bình thường hóa với Liên xô, tham gia Liên Hiệp Quốc.

## 3. Nhật Bản từ 1973- 1991

### 3.1. Kinh tế

- Từ 1973, do tác động khủng hoảng năng lượng, kinh tế Nhật thường khủng hoảng và suy thoái ngắn.
- Từ nửa sau 1980, Nhật vươn lên trở thành siêu cường tài chính số một thế giới với dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 3 lần Mỹ, gấp 1,5 lần CHLB Đức, trở thành chủ nợ lớn nhất thế giới.



Hình 2: Tàu cao tốc ở Nhật Bản

### 3.2. Đối ngoại

- “Học thuyết Phu-cư-đa” (1977) và “Học thuyết Kai-phu” (1991) chủ trương tăng cường quan hệ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội với các nước Đông Nam Á và tổ chức ASEAN.
- Thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam 21/9/1973.

## 4. Nhật Bản từ 1991- 2000

### 4.1. Kinh tế

Vẫn là một trong ba trung tâm kinh tế – tài chính lớn của thế giới (năm 2000, GNP là 4746 tỷ USD, GDP bình quân là 37408 USD).

### 4.2. Khoa học- kĩ thuật

Phát triển ở trình độ cao. Năm 1992, phóng 49 vệ tinh nhân tạo, hợp tác với Mỹ, Nga trong các chương trình vũ trụ quốc tế.

### 4.3. Văn hóa

Là nước phát triển cao nhưng vẫn giữ được bản sắc văn hóa của mình, kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại.

### 4.4. Chính trị

- Từ 1993- 2000, tình hình chính trị - xã hội Nhật không ổn định (động đất, khủng bố, nạn thất nghiệp...)
- 1955- 1993 Đảng Dân chủ tự do (LDP) cầm quyền.
- 1993- 2000 đảng đối lập cầm quyền

### 4.5. Đối ngoại

- Tiếp tục liên minh chặt chẽ với Mỹ. 4-1996 Mĩ-Nhật, kéo dài vĩnh viễn Hiệp Ước An ninh Mĩ- Nhật.
- Học thuyết “Mi-y-da-oa” và “Ha-si-mô-tô” coi trọng quan hệ với Tây Âu, mở rộng đối ngoại trên phạm vi toàn cầu, đặc biệt với Đông Nam Á và tổ chức ASEAN.

- Từ đầu những năm 90, Nhật nỗ lực vươn lên thành một cường quốc chính trị để tương xứng với vị thế siêu cường kinh tế.

- Ngày 8/9/1951, Nhật kí với Mĩ “Hiệp ước an ninh Mĩ - Nhật”, chấp nhận đặt Nhật Bản dưới “Ô bảo vệ hạt nhân” của Mĩ và để quân đội Mĩ xây dựng các căn cứ quân sự trên lãnh thổ Nhật.

- Gia hạn hai lần vào năm 1960 và năm 1970, sau đó kéo dài vô thời hạn.
- Hình thành một “liên minh Mĩ - Nhật” nhằm chống lại các nước xã hội chủ nghĩa và phong trào giải phóng dân tộc ở vùng Viễn Đông.
- Nhật Bản đã trở thành một “Căn cứ chiến lược” của Mĩ trong âm mưu thực hiện “Chiến lược toàn cầu” chống cách mạng vào những năm 70 và nửa đầu những năm 80, Mĩ còn trên đất Nhật 179 căn cứ quân sự với 61.000 quân, riêng ở đảo Ôkinawa có 88 căn cứ quân sự và 35.000 lính Mĩ.

## 5. Luyện tập

**Câu 1:** Liên minh Nhật – Mĩ được biểu hiện như thế nào?

### Gợi ý trả lời

- Sau chiến tranh, quân Đồng minh, thực tế là quân Mĩ chiếm đóng Nhật Bản. Chính quyền chiếm đóng đã thực hiện những chính sách tiến bộ như xét xử tội phạm chiến tranh, xóa bỏ các tổ chức quân phiệt, loại bỏ những phần tử liên quan đến chủ nghĩa quân phiệt ra khỏi bộ máy nhà nước...

- Liên minh Nhật -Mĩ ra đời đáp ứng nhu cầu của cả hai nước. Trong bối cảnh Chiến tranh lạnh, Nhật Bản cần dựa vào sự bảo trợ của Mĩ để đảm bảo an ninh và tập trung phát triển kinh tế. Mĩ muốn độc chiếm ảnh hưởng ở Nhật Bản, biến Nhật Bản thành đồng minh trong việc thực hiện tha vọng bá chủ châu Á và chống lại phe XHCN.

- Nước Nhật sớm kí kết được Hiệp ước hòa bình Phranxixcô (8-9-1951), chấm dứt chế độ chiếm đóng của Đồng minh (1952). Cùng ngày, Hiệp ước an ninh Mĩ-Nhật được kí kết, đặt nền tảng mới cho quan hệ giữa hai nước.

**Câu 2:** Những nhân tố nào thúc đẩy sự phát triển thần kì của kinh tế Nhật Bản?

### Gợi ý trả lời

Những nhân tố thúc đẩy sự phát triển thần kì của kinh tế Nhật Bản:

- Con người là vốn quý nhất, là nhân tố quyết định hàng đầu.

- Vai trò lãnh đạo, quản lý của nhà nước Nhật.

- Chế độ làm việc suốt đời, chế độ lương theo thâm niên và chủ nghĩa nghiệp đoàn xí nghiệp là “ba kho báu thiêng liêng” làm cho các công ty Nhật có sức mạnh và tính cạnh tranh cao.

- Các công ty Nhật năng động, có tầm nhìn xa, quản lý tốt và cạnh tranh cao

- Áp dụng thành công những thành tựu khoa học kỹ thuật hiện đại để nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành sản phẩm.

- Chi phí quốc phòng thấp nên có điều kiện tập trung đầu tư vốn cho kinh tế.

- Tận dụng tốt yếu tố bên ngoài để phát triển (viện trợ Mĩ, chiến tranh Triều Tiên, Việt Nam...)

**Câu 3:** Hãy nêu những khó khăn đối với sự phát triển kinh tế ở Nhật Bản

### **Gợi ý trả lời**

Những khó khăn đối với sự phát triển kinh tế ở Nhật Bản:

- Lãnh thổ hẹp, dân đông, nghèo tài nguyên, thường xảy ra thiên tai, phải phụ thuộc vào nguồn nguyên nhiên liệu nhập từ bên ngoài.
- Cơ cấu giữa các vùng kinh tế, giữa công- nông nghiệp mất cân đối.
- Chịu sự cạnh tranh gay gắt của Mỹ, Tây Âu, NICs, Trung Quốc...
- Chưa giải quyết được những mâu thuẫn cơ bản nằm trong bản thân nền kinh tế TBCN.

### **6. Kết luận**

Kết thúc bài học, các em cần ghi nhớ:

- Tình hình Nhật Bản qua các giai đoạn trong những năm 1945- 2000
- Trả lời các câu hỏi liên quan đến bài học